

Số: 56/QĐ-UBND

Lạc Long, ngày 05 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022; Kết quả thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm và dự toán thu chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LẠC LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 24/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Lạc Long về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách xã Lạc Long năm 2023;

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND-UBND và Công chức Tài chính-Kế toán xã Lạc Long;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022; Kết quả thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm và dự toán thu chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2023.

(Theo các biểu mẫu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng UBND xã, Kế toán NSX tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH thị xã Kinh Môn;
- KBNN kinh môn;
- Lưu vp.



Nguyễn Văn Tin

BÁO CÁO
TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Đạt tỷ lệ %
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	7.245.120.000	7.546.414.237	104,16
I	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI CHI THƯỜNG XUYÊN	2.179.700.000	665.114.237	30,51
1	Các khoản thu 100 %	80.000.000	196.998.000	
1.1	Thu hoa lợi công sản, đất công điền	80.000.000	80.000.000	
1.2	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định		98.608.000	
1.3	Phí, lệ phí		15.390.000	
1.4	Thu khác		3.000.000	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	2.099.700.000	468.116.237	
2.1	Thuế thu nhập cá nhân	5.600.000	9.108.571	
2.2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		150.749.798	
2.3	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.500.000	8.050.000	
2.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.000.000	104.789.928	
2.5	Thuế GTGT hộ cá thể	13.600.000	19.857.940	
2.6	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000.000	175.560.000	
III	THU BỔ SUNG	5.065.420.000	6.855.020.000	135,33
1	Bổ sung cân đối ngân sách	2.900.307.000	2.900.307.000	
2	Bổ sung có mục tiêu	2.165.113.000	3.954.713.000	
B	THU CHUYỂN NGUỒN NĂM 2021 CHUYỂN SANG		26.280.000	

Kế toán

Trần Văn Vũ

Lạc Long, ngày 06 tháng 07 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
Chủ tịch

Nguyễn Văn Tin

BÁO CÁO
TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Đạt tỷ lệ %
A	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ	7.245.120.000	7.546.414.237	104,16
I	Chi đầu tư	2.000.000.000	1.402.332.000	70,12
1	Chi đầu tư XDCB	1.500.000.000	1.402.332.000	
1.1	Trả nợ công trình: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học XD năm 2012	250.000.000		
1.2	Trả nợ công trình: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học XD năm 2014	550.000.000		
1.3	Trả nợ công trình: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng, xây mới nhà vệ sinh, bếp phụ, sân bê tông, bồn hoa, bể nước trường Mầm Non	350.000.000		
1.4	Trả nợ công trình: San nền, mặt bằng+ nhà cầu trường Mầm Non	350.000.000		
1.5	Sân vận động thể thao trung tâm xã Lạc Long		128.164.000	
1.6	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, nhà đa năng và sân trường Tiểu học		1.000.000.000	
1.7	Cải tạo ao bơi thôn Kim Đậu		274.168.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác	500.000.000		
2.1	Trả nợ hỗ trợ các thôn làm đường điện thấp sáng, làm nề đường rãnh thoát nước đường GTNT các thôn	500.000.000		
II	Chi thường xuyên	5.245.120.000	6.144.082.237	117,14
1	Sự nghiệp y tế	16.282.000	16.282.000	
2	Sự nghiệp giáo dục	16.282.000	15.650.000	
3	Sự nghiệp văn hoá thông tin	52.915.000	52.823.672	
4	Sự nghiệp truyền thanh	23.744.000	23.637.536	
5	Sự nghiệp Nông nghiệp	23.971.000	23.947.192	
6	Sự nghiệp môi trường	26.893.000	26.893.000	
7	Sự nghiệp giao thông	27.240.000	27.076.560	
8	Chi đảm bảo xã hội	627.200.000	1.247.200.000	
	Trong đó: - Hưu xã, thôi việc & trợ cấp khác	627.200.000	627.200.000	

	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng		620.000.000
9	Chi quản lý hành chính	4.056.037.000	4.233.871.246
	Hoạt động Hội đồng nhân dân xã	350.000.000	348.592.308
	Quản lý Nhà nước	2.246.037.000	2.425.505.865
	Chi công tác Đảng	670.000.000	670.232.839
	Mặt trận tổ quốc	290.000.000	270.674.544
	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	130.000.000	133.912.382
	Hội phụ nữ	120.000.000	136.636.852
	Hội nông dân	120.000.000	124.762.388
	Hội Cựu chiến binh	130.000.000	123.554.068
10	Chi dân quân tự vệ	210.056.000	210.055.300
11	Chi công tác an ninh trật tự	47.500.000	85.720.000
12	Chi hoạt động tổ chức xã hội	11.000.000	11.000.000
	- Hội người cao tuổi	3.000.000	3.000.000
	- Hội chữ thập đỏ	2.000.000	2.000.000
	- Hội Khuyến học xã	2.000.000	2.000.000
	- Hội Cựu TNXP	2.000.000	2.000.000
	- Hội nạn nhân CDDC	2.000.000	2.000.000
III	Chi dự phòng ngân sách xã	106.000.000	
IV	Chi chuyên nguồn sang năm 2023		169.925.731

Lạc Long, ngày 05 tháng 07 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Chủ tịch

Kế toán

Trần Văn Vũ

Nguyễn Văn Tin



Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 2	SO SÁNH
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	5.419.348	2.831.267	52,24
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	179.700	7.752	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	196.900	133.589	
3	Thu bổ sung	5.042.748	2.520.000	
	- Thu bổ sung cân đối	5.042.748	2.520.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0		
4	Thu chuyển nguồn		169.926	
II	TỔNG SỐ CHI	5.419.348	2.612.828	48,21
1	Chi đầu tư phát triển	0		
2	Chi thường xuyên	5.309.348	2.502.828	
3	Dự phòng	110.000	110.000	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 2 NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM...		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 2		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU		5.419.348		2.831.267		52,24
I	Các khoản thu 100%		179.700		7.752		
	Phí, lệ phí		27.700		2.860		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		150.000				
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định				4.892		
	quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác		2.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		196.900		133.589		
1	Các khoản thu phân chia		196.900		133.589		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		13.700		83.065		
	- Thuế GTGT		36.800		23.671		
	- Thuế thu nhập cá nhân		18.400		10.791		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		8.000		7.900		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		120.000		8.162		
	- Thu tiền cấp quyền sử dụng đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
	...						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)				169.926		
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		5.042.748		2.520.000		
	- Thu bổ sung cân đối		5.042.748		2.520.000		
	- Thu bổ sung có mục tiêu						